

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21/01/2025

V/v “thay đổi người trực tiếp nuôi con,
cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Văn Kiềm

2. Ông: Giáp Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:
Ông Hà Đăng Chương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 361/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc “Thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 261/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 02/01/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1992 (có mặt)

Nơi thường trú: tổ dân phố T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Nơi thường trú: thôn L, xã P (nay là xã L), huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

Chị kết hôn với anh Lê Văn T vào năm 2011 và sinh được 2 con chung là Lê Thị Quỳnh L, sinh ngày 23/11/2011, Lê Quốc T1, sinh ngày 21/01/2015. Tháng 8/2023, do mâu thuẫn vợ chồng, chị và anh T đã làm đơn ra Tòa án giải quyết việc ly hôn. Tại Bản án số 54/2023/HNGĐ-ST ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã giao cho chị được nuôi con là Lê Quốc T1, giao cho anh T được nuôi con là Lê Thị Quỳnh L. Mặc dù anh T được giao

nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Quỳnh L nhưng do công việc anh T là lái xe đường dài nên thường xuyên vắng nhà không có thời gian trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con, cháu Quỳnh L có biểu hiện về tâm lý, cháu rất buồn, học hành sa sút và tháng 11/2024 cháu đã sang ở với chị. Do vậy chị đề nghị Tòa án giao cho chị được nuôi cả 2 con. Về cấp dưỡng nuôi con: chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 2.500.000đồng /1 tháng/con cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi.

* Tại biên bản lấy lời khai, anh Lê Văn T trình bày:

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị P vào năm 2011 và sinh được 02 con chung là Lê Thị Quỳnh L, sinh ngày 23/11/2011 và Lê Quốc T1, sinh ngày 21/01/2015 như chị P trình bày là đúng. Tháng 8/2023 do mâu thuẫn vợ chồng, anh và chị P đã làm đơn ra Tòa án giải quyết việc ly hôn. Tại Bản án số 54/2023/HNGĐ-ST ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã giao cho chị P được nuôi con chung là Lê Quốc T1 và giao cho anh được nuôi con chung là Lê Thị Quỳnh L.

Quá trình nuôi con từ khi ly hôn đến nay anh vẫn đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng con bình thường, vẫn quan tâm đến con. Anh làm nghề lái xe khách tuyến Bắc - Nam cứ 4 ngày đi làm thì 2 ngày được nghỉ ở nhà. Khi anh đi làm thì bố mẹ anh giúp anh chăm sóc con, các khoản chi phí đóng góp nuôi con ăn học, và sinh hoạt hàng ngày anh vẫn đóng góp đầy đủ. Chị P và gia đình lên thăm và đón cháu về chơi anh vẫn đồng ý cho đón, không ngăn cản. Do anh bận công việc nên cũng không có thời gian xuống thăm cháu T1, nhưng thỉnh thoảng anh có nhờ mẹ anh xuống đón cháu về chơi, phía chị P cũng cho gia đình anh đón cháu T1 về và không ngăn cản.

Từ tháng 11/2024, cháu L giận đối ông bà nên đã xuống ở với chị P, nhưng cháu vẫn đi học ở trường THCS P1. Nguyên nhân cháu xuống ở với chị P là do con đang tuổi lớn, tâm lý phức tạp, ông bà tuổi cao không hiểu tâm lý cháu, do vậy cháu đối ông bà nội chứ thực tế giữa ông, bà và cháu không có mâu thuẫn gì, cũng không ai đánh, mắng cháu.

Nay chị P làm đơn xin nuôi cháu L, anh không đồng ý. Bởi hiện tại chị P đã kết hôn với người khác, và đang nuôi con Lê Quốc T1 nên chị P nuôi cả 2 con sẽ vất vả, không đảm bảo việc chăm sóc tốt cho cả 2 con. Bản thân anh hiện tại chưa kết hôn với ai, anh làm nghề lái xe nên thu nhập 20.000.000đồng/1 tháng đủ điều kiện nuôi con. Trường hợp Tòa án giao cháu Quỳnh L cho chị P nuôi thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con Lê Thị Quỳnh L 2.500.000đồng/1 tháng đến khi con chung tròn 18 tuổi. Anh không đồng ý đóng góp nuôi con Lê Quốc T1 bởi trước đây Tòa án đã giao cho chị P nuôi con T1 nên chị P phải có nghĩa vụ nuôi con.

* Tại bản tự khai, cháu Lê Thị Quỳnh L có nguyện vọng xin được ở với mẹ.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Về nội dung vụ án, sau khi phân tích, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX:

Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử:

Chấp nhận đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con của chị Nguyễn Thị P. Xử: Giao cho chị Nguyễn Thị P được nuôi con chung là Lê Thị Quỳnh L, sinh ngày 23/11/2011. Về cấp dưỡng nuôi con: anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Lê Thị Quỳnh L 2.500.000đồng/01 tháng đến khi cháu L tròn 18 tuổi.

Về tiền án phí: anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí thay đổi người nuôi con, và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị P làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con đối với bị đơn là anh Lê Văn T, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, như vậy quan hệ tranh chấp là “thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn”. Bị đơn có nơi thường trú tại xã P (nay là xã L), huyện T, tỉnh Bắc Giang. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên theo quy định tại Điều 28; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Yêu cầu được nuôi con chung là Lê Thị Quỳnh L, sinh ngày 23/11/2011. Yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con Quỳnh L mỗi tháng 2.500.000 đồng.

HĐXX thấy: Tại Bản án số 54/2023/HNGĐ-ST ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã giao cho chị Nguyễn Thị P được nuôi con chung là Lê Quốc T1, sinh ngày 21/01/2015 và giao cho anh Lê Văn T được nuôi con chung là Lê Thị Quỳnh L, sinh ngày 23/11/2011. Sau khi anh T được giao nuôi dưỡng con chung là cháu Quỳnh L nhưng do công việc anh T là lái xe đường dài nên thường xuyên vắng nhà không có thời gian trông nom, chăm

sóc và giáo dục con. Cháu Quỳnh L đang ở độ tuổi dậy thì, mọi tâm tư, nguyện vọng của cháu không biết chia sẻ cùng ai, ông bà nội nhiều tuổi nên không hiểu tâm tư nguyện vọng của tuổi mới lớn, việc học hành của cháu giảm sút, cháu có biểu hiện về tâm lý không ổn định. Đến tháng 11/2024 cháu đã sang ở với mẹ là chị P.

Nay xét thấy cháu Quỳnh L có nguyện vọng ở với mẹ, chị P xin được nuôi cháu L: Xét thấy cháu Quỳnh L là con gái đang ở độ tuổi dậy thì, chị P là người phụ nữ sẽ hiểu tâm tư, nguyện vọng, và định hướng cho con gái tốt hơn. Do vậy cần giao cháu Quỳnh L cho chị P nuôi sẽ đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho cháu, và phù hợp với tâm tư, nguyện vọng của cháu Quỳnh L.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: tại phiên toà chị P yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con Quỳnh L mỗi tháng 2.500.000đồng. Xét thấy anh T làm nghề lái xe khách có thu nhập ổn định bình quân 15.000.000 đồng đến 20.000.000đồng. Quá trình giải quyết vụ án, anh T có ý kiến đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Quỳnh L mỗi tháng 2.500.000đồng đến khi cháu L tròn 18 tuổi. Xét thấy, đây là trách nhiệm của người cha đối với con và cũng là sự tự nguyện của anh T nên cần chấp nhận về việc cấp dưỡng nuôi con của anh T. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/02/2025.

Đối với con chung Lê Quốc T1, do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tiền án phí: Yêu cầu của chị P được chấp nhận nên chị P không phải chịu tiền án phí; Anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí thay đổi người trực tiếp nuôi con và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, khoản 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P.

Xử giao con chung là Lê Thị Quỳnh L, sinh ngày 23/11/2011 cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Lê Thị Quỳnh L mỗi tháng 2.500.000 đồng, phương thức cấp dưỡng theo định

kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/02/2025 đến khi con Lê Thị Quỳnh L tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con, không ai được cản trở.

2. Về tiền án phí:

Anh Lê Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí thay đổi người trực tiếp nuôi con và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Hoàn trả chị Nguyễn Thị P 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0007174 ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu của người được thi hành án, thì ngoài số tiền phải trả, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Yên;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Vân Anh